

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CẨM NANG SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP



Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU	03
PHẦN I: GIỚI THIỆU QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP	04
1. Sự cần thiết thành lập Quỹ	05
2. Văn bản pháp lý	06
3. Giới thiệu về Quỹ	07
4. Điều chuyển, đóng góp kinh phí về Quỹ của Thành phố	09
5. Bộ máy quản lý Quỹ	11
6. Hội đồng KH&CN	14
7. Nội dung hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp	16
PHẦN II: THÀNH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN	21
1. Trình tự, thủ tục thành lập, kinh phí hoạt động Quỹ	22
2. Triển khai nhiệm vụ KH&CN	24
3. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, dự án đầu tư	26
4. Nội dung chi sử dụng Quỹ	28
PHẦN III: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ	37
1. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ	38
2. Các trường hợp xử lý Quỹ	39
3. Báo cáo sử dụng Quỹ	41
PHỤ LỤC	42
Mẫu Quyết định thành lập Quỹ	43



Trong bối cảnh toàn cầu hóa với cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ thật sự là động lực phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Nhằm khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu phát triển, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế để lập quỹ đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ (sau đây được gọi tắt là KH&CN). Ngày 28/06/2016 Bộ Khoa học và công nghệ và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC để hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư 12).

Từ thực tiễn triển khai Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại các doanh nghiệp và hướng dẫn của Thông tư 12, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM biên soạn “Cẩm nang sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp”.

Cẩm nang cung cấp thông tin về các văn bản pháp lý; hướng dẫn thủ tục thành lập, sử dụng, quản lý Quỹ; cách thức lập dự toán, quản lý tài chính và tài sản của Quỹ, gồm bốn phần chính:

- Giới thiệu về tổ chức quản lý Quỹ, nội dung hoạt động KH&CN.
- Hướng dẫn thủ tục thành lập và triển khai các nhiệm vụ KH&CN.
- Hướng dẫn lập dự toán, quản lý tài chính và tài sản của Quỹ.
- Biểu mẫu Quyết định thành lập.

Tài liệu này được biên soạn lần đầu nên chắc chắn không tránh khỏi những sai sót. Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM rất mong nhận được sự phản hồi, đóng góp ý kiến của cộng đồng để nội dung “Cẩm nang sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp” ngày càng hoàn thiện hơn.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ. Điện thoại: 028.3932 0122

Nội dung của Cẩm nang và các Quy trình, biểu mẫu được đăng tải trên trang web của Sở khoa học và công nghệ Thành phố tại địa chỉ: www.dost.hochiminhcity.gov.vn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HCM

PHẦN I

GIỚI THIỆU QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP

1

Sự cần thiết thành lập Quỹ

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để tạo nguồn tài chính cho nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ thông qua việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Trên thực tế, hoạt động nghiên cứu phát triển (sau đây gọi tắt là hoạt động R&D), đổi mới công nghệ,... trong phần lớn doanh nghiệp được triển khai chung với sản xuất kinh doanh; đầu tư đổi mới công nghệ được quản lý chung theo quy trình đầu tư phát triển trong sản xuất. Kinh phí đầu tư cho hoạt động R&D chưa được tính toán riêng, tác động của nó đến sản xuất kinh doanh chưa được đánh giá đầy đủ. Khác với sản xuất kinh doanh, hoạt động R&D và đổi mới công nghệ mang đặc thù riêng, hiệu quả của nó không chỉ phụ thuộc vào yếu tố tài chính, mà còn ở phương thức tổ chức triển khai và cách thức quản lý.

Do vậy ngoài mục tiêu tạo nguồn tài chính, việc thành lập Quỹ để tổ chức triển khai hoạt động R&D và đổi mới công nghệ một cách khoa học, chuyên nghiệp thật sự cần thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện việc thành lập, trích và sử dụng Quỹ theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

Quỹ của doanh nghiệp được thành lập, sử dụng và quản lý theo một số văn bản pháp lý chính sau đây:

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học công nghệ;

- Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Sáng kiến;

- Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

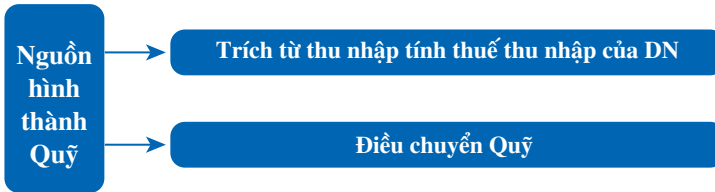
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3

Giới thiệu về Quỹ

Quỹ do doanh nghiệp thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Quỹ của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn sau:



a) Trích từ thu nhập tính thuế thu nhập của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là TNDN).

- *Doanh nghiệp nhà nước* phải trích hàng năm từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ.

- *Doanh nghiệp khác* được quyền trích một tỷ lệ hợp lý nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ.

b) Điều chuyển từ Quỹ của Tổng Công ty/Công ty mẹ cho Quỹ của các Công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên và ngược lại. Việc điều chuyển Quỹ chỉ áp dụng đối với các Công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên mà Công ty mẹ sở hữu 100% vốn.

Việc điều chuyển Quỹ **không** áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều chuyển cho Công ty mẹ ở nước ngoài;
- Công ty mẹ ở Việt Nam điều chuyển cho Công ty con ở nước ngoài.



4 Điều chuyển, đóng góp kinh phí về Quỹ của Thành Phố

a) Điều chuyển về Quỹ của Thành phố

Doanh nghiệp nhà nước phải nộp số tiền được xác định tối thiểu bằng 20% số Quỹ đã trích lập không được sử dụng, sử dụng không hết 70% (sau 05 năm) số Quỹ đã trích lập kể cả nhận điều chuyển (nếu có) về Quỹ của Thành Phố.

b) Đóng góp kinh phí về Quỹ của Thành phố

Khuyến khích doanh nghiệp đóng góp vào Quỹ của Thành phố trong 02 trường hợp sau:

- Doanh nghiệp (không phải doanh nghiệp nhà nước) khi sử dụng không hết 70% số tiền trích Quỹ.

- Doanh nghiệp có nhu cầu đóng góp kinh phí hoặc thực hiện cơ chế đối ứng vốn để thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Trên thực tế, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ đúng mục đích; trình tự, thủ tục thẩm định các nhiệm vụ KH&CN còn phức tạp; công việc lập dự toán và quyết toán tài chính chưa rõ ràng.

Do vậy, để giảm bớt các khó khăn trong sử dụng và quản lý Quỹ, doanh nghiệp có thể đóng góp một phần hay toàn bộ kinh phí từ Quỹ của doanh nghiệp về Quỹ của Thành phố và doanh nghiệp được quyền sử dụng số kinh phí này để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khi cần thiết.

Quyền của doanh nghiệp khi đã đóng góp, điều chuyển vào Quỹ của Thành phố:

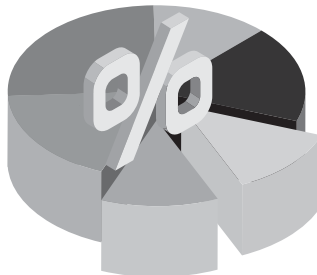
- Được yêu cầu hỗ trợ từ các Quỹ khi có nhiệm vụ KH&CN cần sử dụng kinh phí.

- Kinh phí được hỗ trợ: Tối thiểu bằng số kinh phí đã đóng góp và điều chuyển.

Nhiệm vụ của các Quỹ Quốc gia/Thành phố đã nhận điều chuyển/ đóng góp từ Quỹ của doanh nghiệp:

- Tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho doanh nghiệp (ưu tiên hỗ trợ thêm trong khả năng đáp ứng của Quỹ)

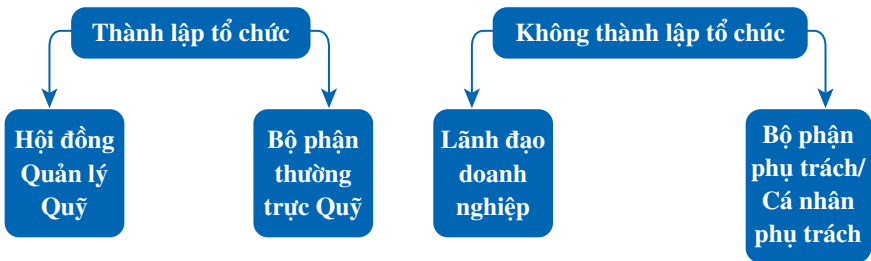


5

Bộ máy quản lý Quỹ

Tùy theo quy mô và tình hình hoạt động KH&CN, doanh nghiệp chọn hình thức tổ chức của Quỹ.

Một số mô hình quản lý Quỹ như sau:



Hình thức triển khai như sau:

5.1. Doanh nghiệp thành lập tổ chức Quỹ (Không có tư cách pháp nhân, trực thuộc doanh nghiệp)

a) Hội đồng quản lý Quỹ

Hội đồng Quản lý Quỹ do Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định thành lập, thành phần gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thường do Tổng giám đốc/Giám đốc kiêm nhiệm; thành viên là đại diện các phòng tài chính, đầu tư, marketing, kỹ thuật, công nghệ, nghiên cứu phát triển, nhà máy sản xuất,...

Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Báo cáo về việc trích, sử dụng Quỹ. Phối hợp thanh tra, kiểm tra tình hình thành lập, tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định pháp luật.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ, kế hoạch hoạt động KH&CN và chi hoạt động quản lý Quỹ.

- Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động KH&CN sử dụng kinh phí của Quỹ.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc ủy thác hoặc nhận ủy thác từ các Quỹ của doanh nghiệp khác để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp.

b) Bộ phận thường trực Quỹ

Hình thức tổ chức

- Thành lập một Phòng, Ban chuyên trách (Phòng mới) để tổ chức các hoạt động KH&CN cho doanh nghiệp và quản lý Quỹ.

- Giao cho một Phòng Ban chuyên môn (Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Tổ chức hành chính...) đảm nhận vai trò chủ trì Bộ phận thường trực Quỹ để tổ chức các hoạt động KH&CN và quản lý Quỹ.

Nhiệm vụ của Bộ phận thường trực Quỹ

- Xây dựng kế hoạch về nội dung hoạt động và kinh phí sử dụng Quỹ.

- Tổ chức xét duyệt, giám sát, điều chỉnh, nghiệm thu các nhiệm vụ có sử dụng kinh phí từ Quỹ.

- Hướng dẫn các cá nhân, đơn vị đăng ký, triển khai thực hiện, nghiệm thu, quyết toán kinh phí các nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định.

- Theo dõi, đôn đốc triển khai các hoạt động KH&CN, báo cáo tình hình thực hiện cho Hội đồng Quản lý Quỹ.

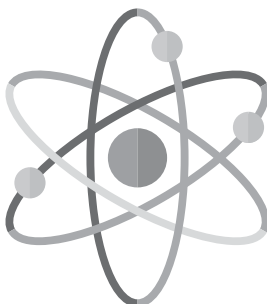
Lương, phụ cấp cho Bộ phận thường trực Quỹ được chi trả từ kinh phí quản lý của Quỹ.

5.2. Doanh nghiệp không thành lập tổ chức Quỹ

Tùy theo quy mô và nội dung hoạt động, doanh nghiệp có thể không thành lập tổ chức Quỹ và hoạt động Quỹ theo hình thức như sau:

- Lãnh đạo doanh nghiệp giao cá nhân phụ trách quản lý Quỹ và báo cáo hoạt động của Quỹ cho cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của cá nhân được giao phụ trách tương tự nhiệm vụ của Bộ phận thường trực Quỹ tại điểm b mục 5.1 nêu trên.



6

Hội đồng KH&CN

Theo quy định của Nhà nước về quản lý Quỹ, doanh nghiệp phải thành lập các Hội đồng KH&CN để đánh giá, xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí khi phát sinh nhiệm vụ KH&CN.

Thẩm quyền thành lập Hội đồng KH&CN

Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp thành lập các Hội đồng KH&CN gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Tổng giám đốc/Giám đốc.

Nhiệm vụ của Hội đồng KH&CN

- Đánh giá, xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.

- Mỗi Hội đồng KH&CN có thể tư vấn cho một hoặc một số nhiệm vụ KH&CN (các nhiệm vụ KH&CN cùng lĩnh vực).

Thành viên Hội đồng KH&CN

- Số lượng thành viên: Tối thiểu 5 (năm) thành viên; là người có kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp, tài chính, chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ KH&CN, có thể mời chuyên gia từ bên ngoài doanh nghiệp.

- Thành phần Hội đồng: Phải đảm bảo có ít nhất 50% số thành viên không công tác tại Cơ quan chủ trì nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 02 thành viên là các chuyên gia có uy tín, trình độ, chuyên môn phù hợp được giao tư vấn, thành viên còn lại là các nhà quản lý của doanh nghiệp.

Nguyên tắc làm việc của Hội đồng KH&CN

- Công khai, minh bạch, độc lập, khách quan.

- Ý kiến của các thành viên hội đồng và kiến nghị của hội đồng phải được lập thành văn bản.

Quy trình và kết quả thực hiện việc đánh giá, xét chọn, thẩm định nội dung, kinh phí và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Quy chế KH&CN của doanh nghiệp.

7

Nội dung hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp

Hoạt động KH&CN có thể được phân nhóm theo quy định Nhà nước về trình tự thủ tục thực hiện và quản lý tài chính như sau:

7.1. Thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Thành phố

Doanh nghiệp có thể đăng ký tham gia thực hiện các nhiệm vụ trong các chương trình KH&CN cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Thành phố.

Khi tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu, doanh nghiệp được sử dụng Quỹ để bố trí kinh phí đối ứng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và thuyết minh đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

b) Nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp

Nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp là các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất; hoạt động sáng kiến cải tiến, đổi mới sáng tạo,... nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đối với các dự án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hoạt động khảo sát thị trường, thử nghiệm sản phẩm mới để đánh giá nhu cầu thị trường,... được xem là một nhiệm vụ KH&CN của doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ KH&CN được triển khai sau khi Hội đồng KH&CN của doanh nghiệp thẩm định và trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt.

c) Hoạt động hợp tác về KH&CN

Hoạt động hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước được triển khai thông qua các hình thức: đặt hàng hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao (mua) công nghệ, đào tạo nhân lực, tư vấn đổi mới công nghệ.

Một số hoạt động hợp tác nghiên cứu chung được Nhà nước khuyến khích, ưu tiên:

- Nghiên cứu phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được Nhà nước khuyến khích phát triển.
- Hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài được Nhà nước hỗ trợ kinh phí.

Nhiệm vụ KH&CN được xét chọn, thẩm định, đánh giá nghiệm thu theo “Quy chế KH&CN” của doanh nghiệp.

Đối với các nhiệm vụ KH&CN có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người, trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống được thực hiện theo quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước (*Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ*).

7.2. Hoạt động sáng kiến

- Các khoản chi cho hoạt động sáng kiến bao gồm cả việc trả thưởng, trả thù lao cho tác giả sáng kiến, được trích từ Quỹ theo đúng quy định pháp luật hiện hành và phải được thể hiện trong “Quy chế KH&CN” do doanh nghiệp ban hành.

- Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp có thể ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến để tham mưu và đề xuất các nội dung liên quan đến việc công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến cũng như việc áp dụng và chuyển giao sáng kiến.

7.3. Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KH&CN

- Xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm.

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN.

- Đầu tư hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu, thống kê hoạt động KH&CN.

- Các hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp.

b) Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ

Hoạt động mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ được triển khai theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

Nội dung này được xem là hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Máy móc, thiết bị đầu tư phải là công cụ vận hành một công nghệ mới tiên tiến hơn để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới.

- Đối tượng công nghệ được chuyển giao kèm theo máy móc thiết bị có thể là: (1) bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; (2) phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; (3) giải pháp hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ;

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao

công nghệ (Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ xem tại Điều 6, Nghị định 76/2018/NP-CP ngày 15/5/2018.)

Đối với các công nghệ hạn chế chuyển giao theo danh mục do Chính phủ ban hành, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp “Giấy phép chuyển giao công nghệ” trước khi ký hợp đồng thực hiện.

7.4. Đào tạo nhân lực KH&CN

Nội dung đào tạo nhân lực KH&CN gồm:

- Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học;
- Đào tạo theo nhóm nghiên cứu;
- Đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm, các lĩnh vực KH&CN mới;
- Nghiên cứu sau đại học;
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý KH&CN.

7.5. Chuyển giao công nghệ, thuê mướn dịch vụ KH&CN

Hoạt động chuyển giao công nghệ, thuê mướn dịch vụ KH&CN gồm:

- Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu, giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Thuê chuyên gia hoặc tổ chức thực hiện việc nghiên cứu, tư vấn, thẩm định công nghệ, đào tạo chuyên môn, đánh giá, thử nghiệm, kiểm chuẩn.

- Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ.

- Khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước. Hoạt động khảo sát ngoài nước sẽ được nhà nước hỗ trợ kinh phí (Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020).



PHẦN II

THÀNH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ



1

Trình tự, thủ tục thành lập, kinh phí hoạt động Quỹ

1.1. Hồ sơ thành lập Quỹ

Doanh nghiệp xây dựng và ban hành hồ sơ thành lập Quỹ gồm các văn bản sau:



Về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

- Đối với doanh nghiệp thành lập Quỹ trước ngày 01/9/2016: Doanh nghiệp điều chỉnh Điều lệ Quỹ theo quy định của Thông tư 12.

- Đối với doanh nghiệp thành lập Quỹ từ ngày 01/9/2016 đến nay: Việc xây dựng Điều lệ do doanh nghiệp quyết định.

1.2. Thẩm quyền thành lập Quỹ

Quỹ do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định thành lập. Tùy theo loại hình doanh nghiệp, cấp có thẩm quyền có thể là Chủ tịch hội đồng quản trị/hội đồng thành viên, Chủ doanh nghiệp hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc...

1.3. Thông báo việc thành lập Quỹ cho cơ quan quản lý Nhà nước

Sau khi thành lập Quỹ, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho các cơ quan sau:

- Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố: Quyết định thành lập Quỹ (trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập).

- Cơ quan thuế (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính): (1) Quy chế KH&CN, (2) Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ cùng thời điểm nộp báo cáo trích sử dụng Quỹ trong kỳ trích lập đầu tiên.

1.4. Kinh phí cho hoạt động quản lý Quỹ

Hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ/ Bộ phận phụ trách/ Cá nhân phụ trách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ. Các nội dung chi phục vụ hoạt động quản lý Quỹ gồm có:

- Chi lương và bảo hiểm cho cán bộ chuyên trách, phụ cấp kiêm nhiệm.

- Thuê trụ sở, mua sắm, sửa chữa; dịch vụ công cộng; công tác phí.

- Chi cho hoạt động của Hội đồng KH&CN; thuê chuyên gia đánh giá, thẩm định các đề tài, dự án KH&CN.

- Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định và được quy định trong Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ.

1.5. Tài liệu triển khai và quản lý Quỹ

Doanh nghiệp có thể xây dựng các tài liệu, biểu mẫu triển khai và quản lý Quỹ:

- Quy trình triển khai nhiệm vụ KH&CN.

- Quy trình xét sáng kiến.

- Cách thức lập dự toán, quyết toán: (1) Nhiệm vụ KH&CN, (2) Đào tạo, (3) Quyết toán, (4) Báo cáo trích lập và điều chuyển Quỹ.

2

Triển khai nhiệm vụ KH&CN

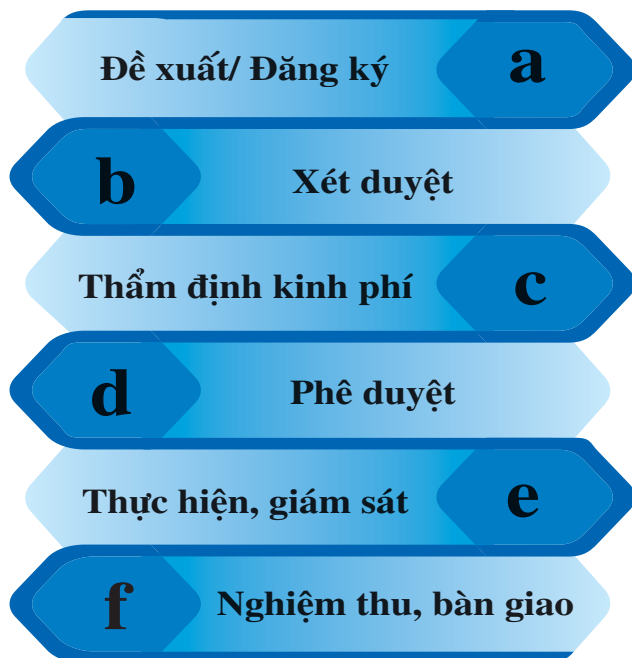
2.1. Đối tượng tham gia các nhiệm vụ KH&CN

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ (CNNV): Cá nhân có chuyên môn trong, ngoài doanh nghiệp được giao trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

b) Cơ quan chủ trì (CQCT): Phòng, Ban, Đơn vị, Công ty con, Công ty thành viên thuộc doanh nghiệp, Tổ chức, Doanh nghiệp trong nước được giao đặt hàng tổ chức triển khai các dự án đầu tư hoặc quản lý đề tài do các cá nhân trong đơn vị thực hiện.

2.2. Các bước triển khai

Nhiệm vụ KH&CN được triển khai qua các bước:



a) Đề xuất/Đăng ký

Các đơn vị, cá nhân trong doanh nghiệp lập Thuyết minh các nhiệm vụ KH&CN gửi về Quỹ xét duyệt.

b) Xét duyệt

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN để đánh giá xét duyệt nội dung và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

c) Thẩm định kinh phí

Hội đồng KH&CN tổ chức thẩm định kinh phí và trình cấp có thẩm quyền xem xét các nhiệm vụ KH&CN.

d) Phê duyệt

Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xem xét và phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN được đề xuất triển khai.

e) Thực hiện, giám sát

CNNV và CQCT triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh đã được phê duyệt, đề xuất và kiến nghị với Bộ phận thường trực Quỹ/Cá nhân phụ trách các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Bộ phận phụ trách/Cá nhân phụ trách tổ chức giám sát tiến độ và kiểm tra quá trình triển khai báo cáo lại cho Hội đồng quản lý Quỹ/Lãnh đạo doanh nghiệp các nhiệm vụ và xem xét điều chỉnh nội dung, kinh phí và các kiến nghị của CNNV hoặc CQCT.

f) Nghiệm thu, bàn giao sử dụng: Bộ phận phụ trách/Cá nhân phụ trách tổ chức nghiệm thu và quyết toán tài chính. CNNV và CQCT chuyển giao kết quả của nhiệm vụ KH&CN cho Đơn vị sử dụng.

Đối với các nghiên cứu thực hiện dự án nhưng không triển khai được hoặc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhưng không tiêu thụ được; nếu được Hội đồng KH&CN xác định vì nguyên nhân khách quan thì được nghiệm thu thanh lý, các khoản chi được quyết toán từ Quỹ.

3

Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, dự án đầu tư

3.1. Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN

Mỗi nhiệm vụ KH&CN được trình bày và thẩm định theo “Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN” do CNNV và CQCT xây dựng.

Khi xây dựng thuyết minh và xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN cần lưu ý một số đặc thù riêng của hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp:

a) Về mục tiêu: Mục tiêu hoạt động KH&CN của doanh nghiệp là nâng cao năng lực cạnh tranh, thông qua các chỉ tiêu cụ thể như xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực công nghệ, năng lực tổ chức quản lý, sản xuất, cải thiện môi trường làm việc, phát triển nguồn nhân lực,....

b) Sản phẩm: Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN rất phong phú, gồm có: Tài sản hữu hình, tài sản trí tuệ, giá trị thương hiệu, đào tạo nhân lực...

c) Phương án triển khai: Khuyến khích triển khai các nhiệm vụ dự án có liên kết hợp tác với đối tác bên ngoài, hoặc sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước.

3.2. Thuyết minh dự án đầu tư đổi mới công nghệ

Đối với nội dung mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ, thuyết minh dự án đầu tư cần làm rõ các nội dung sau:

- Đánh giá hiện trạng của công nghệ đang sử dụng: Ưu, nhược điểm, nguyên nhân...(Mô tả công nghệ cũ, đánh giá năng suất, chất lượng sản phẩm).

- Mô tả và phân tích ưu, nhược điểm của công nghệ mới.

- So sánh mức độ tiên tiến của công nghệ mới so với công nghệ cũ.

Phân tích hiệu quả sử dụng công nghệ mới về hiệu quả kinh tế, nâng cao năng suất-chất lượng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực công nghệ, bảo vệ môi trường, phát triển thương hiệu,...

4

Nội dung chi sử dụng Quỹ

Nội dung chi	Hình thức thực hiện	Thông qua Hội đồng KH&CN	Định mức chi (*)
Thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN	Có	Do cấp có thẩm quyền của DN xây dựng, quyết định ban hành.
Hợp tác về KH&CN	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN	Có	
Hoạt động sáng kiến	- Do doanh nghiệp quyết định - Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 9.2c, Điều 10 và Điều 16 Nghị định 13/2012/NĐ-CP	Không	Cấp có thẩm quyền của DN quy định bằng văn bản (ví dụ Quy chế hoạt động sáng kiến,...)
- Trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động KH&CN - Mua máy móc thiết bị kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ	Theo Quy trình và thủ tục của dự án đầu tư	Không	Cấp có thẩm quyền của DN quy định
Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu công nghệ (bao gồm bản quyền phần mềm)	Thực hiện 1 trong 2 hình thức sau: (1) Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN; hoặc	Có	
	(2) Hợp đồng mua bán/ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng	Không	

Đào tạo nhân lực KH&CN	- Xây dựng Kế hoạch - Hợp đồng đào tạo nhân lực	Không	- Theo quy định hiện hành của Nhà nước. - Đối với nội dung chi chưa có định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng và ban hành
Hoạt động quản lý Quỹ	Do doanh nghiệp quyết định	Không	Do cấp có thẩm quyền của DN quyết định ban hành.

(*) Định mức chi đều phải được quy định tại Quy chế chi tiêu và sử dụng Quỹ của doanh nghiệp

4.1 Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN

4.1.1. Nội dung chi

a) Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Tiền công lao động trực tiếp gồm: Tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tiền công thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, nặng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho các hoạt động của nhiệm vụ KH&CN:

+ Chi mua tài sản thiết yếu;

+ Chi thuê tài sản trực tiếp;

+ Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của Công ty;

+ Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất.

- Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

- Chi họp Hội đồng KH&CN gồm:

+ Chi tiền công của thành viên trong Hội đồng KH&CN;

+ Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

+ Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

+ Chi thuê dịch vụ và cơ sở vật chất phục vụ họp Hội đồng KH&CN.

- Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

- Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ bao gồm:

+ Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

+ Chi tiền công chuyên gia đánh giá giữa kỳ (nếu cần).

- Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN.

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

4.1.2. Hình thức thực hiện

Doanh nghiệp phải xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN thông qua Hội đồng KH&CN theo Quy chế KH&CN.

4.1.3. Định mức chi

Doanh nghiệp có thể tham khảo định mức chi theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN hoặc do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng.

- Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoản chi từng phần đối với các nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Quy chế KH&CN của doanh nghiệp (Doanh nghiệp được quyền áp dụng theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 30/12/2012).

4.2. Chi hỗ trợ phát triển KH&CN

4.2.1. Nội dung chi

a) Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KH&CN:

- Đầu tư xây dựng các tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm;

- Đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu và thống kê về hoạt động KH&CN.

b) Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu.

c) Đầu tư mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy trình và thủ tục đầu tư của doanh nghiệp.

d) Trả tiền công, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với Tổ chức để thực hiện các hoạt động KH&CN.

4.2.2. Hình thức thực hiện

a) Đối với việc chi trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật và đầu tư mua máy móc, thiết bị thực hiện theo quy trình và thủ tục của các dự án đầu tư và do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt theo quy định.

b) Đối với việc mua quyền sử dụng, quyền sở hữu thực hiện một trong hai cơ sở sau:

- Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng KH&CN của doanh nghiệp xét chọn, thẩm định về nội dung và kinh phí theo Quy chế KH&CN của doanh nghiệp.

- Hợp đồng mua bán hoặc Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu giữa doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng, quyền sở hữu.

4.3. Chi đào tạo nhân lực KH&CN

4.3.1. Nội dung chi

- Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học;

- Đào tạo theo nhóm nghiên cứu;

- Đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm, các lĩnh vực KH&CN mới;

- Nghiên cứu sau đại học;

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý KH&CN.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể tham khảo một số nội dung đào tạo về KH&CN như sau:

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ bao gồm: Đào tạo về quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyển giao công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ, giải mã và làm chủ công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm dựa trên các công nghệ; đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất...

- Bồi dưỡng về lĩnh vực sở hữu trí tuệ: Đào tạo quản trị viên tài sản trí tuệ bao gồm xây dựng hệ thống quản lý tài sản trí tuệ tại doanh nghiệp,

kỹ năng ghi nhận và xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ, giải quyết các tranh chấp và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ,...

- Bồi dưỡng về lĩnh vực năng suất chất lượng bao gồm: Đào tạo cán bộ năng suất cho doanh nghiệp (chương trình cơ bản và nâng cao), nâng cao năng lực về năng suất chất lượng lãnh đạo doanh nghiệp, công cụ năng suất chất lượng LEAN cho các doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ mới trong nâng cao năng suất cho doanh nghiệp, thực hành tốt 5S tại nơi làm việc, đào tạo kỹ năng quản lý theo TWI, bảo trì sản xuất tổng thể (TPM),...

- Bồi dưỡng về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả bao gồm: Quản lý năng lượng trong doanh nghiệp, quản lý năng lượng cho tòa nhà, Người quản lý năng lượng, ISO 50001 – hệ thống quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng,...

- Bồi dưỡng về hoạt động đổi mới sáng tạo bao gồm: Đổi mới tư duy sáng tạo, đào tạo kiến thức về đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý của doanh nghiệp, phương pháp tổ chức hoạt động đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, đổi mới tư duy sáng tạo và nâng cao kỹ năng trong quản trị lãnh đạo dành cho nguồn nhân lực cấp cao trong doanh nghiệp, đổi mới tư duy sáng tạo trong xây dựng và phát triển chiến lược nguồn nhân lực, thiết lập Bản đồ tư duy (Mind map),...

4.3.2. Hình thức thực hiện

- Doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực KH&CN và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN hàng năm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng thực hiện thông qua hợp đồng đào tạo nhân lực (các hình thức ngắn hạn, dài hạn trong nước và nước ngoài...) hoặc thông thuyết minh nhiệm vụ KH&CN khi tham gia triển khai các nhiệm vụ KH&CN.

4.3.3. Định mức chi

- Định mức chi cho các hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước về định mức chi cho đào tạo. (Tham khảo Thông tư 139/2010/TT-BTC Quy định việc lập dự toán,

quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do Bộ Tài chính ban hành)

- Đối với các nội dung chi chưa có định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng và ban hành định mức chi áp dụng cho doanh nghiệp để thực hiện.

4.4. Chi hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

4.4.1. Nội dung chi

- Các khoản chi trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần được trích từ Quỹ theo đúng quy định pháp luật hiện hành và phải được thể hiện trong “Quy chế quản lý sáng kiến” do doanh nghiệp ban hành.

- Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp có thể ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến để tham mưu và đề xuất các nội dung liên quan đến việc công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến cũng như việc áp dụng và chuyển giao sáng kiến.

4.4.2. Hình thức thực hiện

Thực hiện theo Thủ tục đăng ký và xét duyệt sáng kiến của doanh nghiệp.

4.4.3. Định mức chi

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP. Mức chi trả cho các hoạt động sáng kiến được công nhận do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định.

4.5. Chi hoạt động hợp tác về KH&CN

4.5.1. Nội dung chi

- Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong và ngoài nước;

- Các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung giữa doanh nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu.

4.5.2. Hình thức thực hiện

- Đặt hàng nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân theo hình thức hợp đồng nghiên cứu phát triển;

- Chuyển giao công nghệ theo hợp đồng chuyển giao công nghệ;

- Đào tạo nâng cao trình độ, năng lực KH&CN theo hợp đồng đào tạo;

- Thuê tư vấn về đổi mới công nghệ theo hợp đồng tư vấn;

- Góp vốn theo hình thức hợp đồng hợp tác với các Quỹ khác để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Các hợp tác về KH&CN được Hội đồng KH&CN xét duyệt nội dung và nghiệm thu đánh giá kết quả theo Quy chế KH&CN.

4.5.3. Định mức chi

Chi phí liên quan đến hoạt động hợp tác được thực hiện theo các thỏa thuận đã được quy định tại hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức, cá nhân và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt.

4.6. Chi phục vụ hoạt động quản lý Quỹ

4.6.1. Nội dung chi

- Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ;

- Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định;

- Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ;

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ;

- Chi các khoản công tác phí phát sinh đi làm các nhiệm vụ của Quỹ;

- Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4.6.2. Định mức chi

- Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý quỹ.



PHẦN III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ



1

Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

1.1. Quản lý tài chính

Cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và Báo cáo về trích lập, điều chuyển và sử dụng hàng năm của Quỹ.

Trường hợp trong năm bất kỳ, khi nhu cầu sử dụng cho hoạt động KH&CN vượt mức số dư hiện có tại Quỹ, thì doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai phương án sau để bù vào phần chênh lệch giữa số thực chi và số đã trích Quỹ:

- Tạm ứng và trừ vào số trích lập Quỹ của các năm tiếp theo.
- Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

1.2. Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ

Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn của Quỹ phải được lập hồ sơ để theo dõi, quản lý theo quy định và không phải trích khấu hao. Kinh phí sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định được sử dụng từ nguồn của Quỹ. Việc thanh lý tài sản của Quỹ được thực hiện theo quy định hiện hành.

Tài sản cố định được đầu tư và hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN nếu chuyển giao cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải xác định giá trị còn lại, và được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp. Giá trị còn lại của tài sản cố định được trích khấu hao, tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế.

2

Các trường hợp xử lý Quỹ

2.1. Sử dụng Quỹ không đúng mục đích

Quỹ được xem là sử dụng không đúng mục đích trong các trường hợp sau:

- Nguồn vốn của Quỹ được sử dụng để đầu tư cho các hoạt động khác không gắn với việc phát triển KH&CN doanh nghiệp.
- Các khoản chi trùng lặp cho các hạng mục kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN đã được tài trợ bởi các nguồn vốn khác.
- Các khoản chi từ Quỹ nhưng hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Triển khai các hoạt động KH&CN không đúng trình tự thủ tục theo quy định.
- Các khoản chi từ Quỹ không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Nếu sử dụng Quỹ không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế TNDN cho số tiền đã trích Quỹ mà sử dụng không đúng mục đích và lãi phát sinh từ số thuế thu nhập đó.

2.2. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

Số tiền trích lập Quỹ: Được xác định bằng tổng số tiền doanh nghiệp đã trích lập từ thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ.

Số tiền đã sử dụng: Được xác định bằng tổng số tiền đã quyết toán, tạm ứng có đầy đủ chứng từ và số tiền đã được điều chuyển khỏi Quỹ.

Trong thời hạn 05 năm kể từ năm trích lập, Quỹ phải được sử dụng tối thiểu là 70% số tiền đã trích lập kể cả nhận điều chuyển (nếu có). Số tiền còn lại của Quỹ được tiếp tục sử dụng cho các năm tiếp theo.

Trong trường hợp không sử dụng hết 70% số trích lập kể cả nhận điều chuyển thì số tiền chưa sử dụng hết có thể được điều chuyển về Quỹ của Thành phố như sau:

- Doanh nghiệp Nhà nước: Bắt buộc nộp tối thiểu 20% số tiền không được hoặc sử dụng không hết.

- Doanh nghiệp khác: Đóng góp một phần số tiền chưa sử dụng.

Trong trường hợp sử dụng không hết 70% số tiền trích lập quỹ kể cả nhận điều chuyển thì doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập trên số tiền Quỹ còn lại và lãi phát sinh từ số thuế thu nhập theo Điều 14, Thông tư 12.

Do vậy, khuyến khích doanh nghiệp đóng góp nên điều chuyển phần tiền không sử dụng hoặc sử dụng không hết về Quỹ của Thành phố để đảm bảo sử dụng đủ 70% số tiền đã trích lập Quỹ.



3

Báo cáo sử dụng Quỹ

Hàng năm doanh nghiệp phải Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ như sau:

- Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ gửi về:
- + Cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế TNDN.
- + Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố.
- + Sở Tài chính Thành phố.
- Thời hạn nộp báo cáo cùng thời điểm nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN năm của doanh nghiệp.

PHỤ LỤC



CÔNG TY

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty....

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /GIÁM ĐỐC/ CHỦ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số .../...về việc thành lập Công ty ...;(đối với doanh nghiệp nhà nước)

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/06/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về Hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ của Công ty;

Căn cứ ...;

Xét đề nghị của ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty...

Quỹ được sử dụng con dấu của Công ty để hoạt động theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ/các Quy chế của Quỹ.

Trụ sở của Quỹ đặt tại ...

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động KH&CN và Quy chế chi tiêu của Quỹ của Công ty

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực ...

Điều 4. Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: ...

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC/ CHỦ DOANH NGHIỆP**



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 244 Điện Biên Phủ, P.7, Q.3, HCM
Điện thoại : 028 3932 7831 - Fax: 028 3932 5584
Email : skhcn@tphcm.gov.vn
Website : www.dost.hochiminhcity.gov.vn

Giấy phép xuất bản:

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TP.HCM

Chịu trách nhiệm chỉnh sửa nội dung:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP.HCM

Tài liệu xuất bản:

Cẩm nang sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Số trang: 48

Khổ: 14.5x20.5cm

Số lượng in: 10.000 bản

Liên kết xuất bản:

Công ty TNHH thiết kế in ấn quảng cáo Ánh Sao

2119 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, TP.HCM

In xong và nộp lưu chiểu theo Luật Xuất bản 2012